TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2026/DS-ST
Ngày 12-3-2026
V/v "Tranh chấp hợp
đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn
Bà Trần Thị Kim Thanh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Anh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-DS ngày 22/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-DS ngày 12/02/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty T2 (S). Người đại diện theo pháp luật: Olena Khlon, chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Minh T - Giám đốc Khối hỗ trợ thanh toán khoản vay. Địa chỉ: Tòa nhà G, Số E L, phường H, Thành phố Hà Nội.

Tổ chức đại diện theo ủy quyền: Công ty L1; địa chỉ: Đường L, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Trần H, sinh năm 2001 và bà Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2002; cùng địa chỉ: Số E N, xã N, thành phố Đà Nẵng. Ông H có mặt, bà T1 vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Khối phố A, phường Q, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/12/2021, bà Nguyễn Thị L có ký "Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng" số 112112113708995 với Công ty T2 để vay tiêu dùng cá nhân theo hình thức trả góp hằng tháng với lãi suất 4,17%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng

thì bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 tháng, mỗi tháng bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Công ty T2 vào trước hoặc đúng ngày 11 hàng tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi Công ty T2 giải ngân và bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền vay tiêu dùng cá nhân nhưng từ ngày 12/02/2023 đến nay, bà Nguyễn Thị L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng trên và cố tình lẫn tránh, mặc dù Công ty T2 đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán.

Việc bà Nguyễn Thị L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng tín dụng số 112112113708995 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết, đồng thời cũng vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của Công ty T2.

Sau khi giải ngân số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 112112113708995 với số tiền 42.400.000 đồng, bà Nguyễn Thị L đã không thanh toán cho Công ty T2 theo như thỏa thuận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu lãi quá hạn và các khoản lãi khác do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như hợp đồng:

Theo đó, số tiền gốc còn lại mà bà Nguyễn Thị L cần phải thanh toán cho Công ty T2: 32.686.409 đồng.

- Lãi trong hạn: 17.800.764 đồng.
- Lãi quá hạn (tính đến ngày 12/03/2026): 48.857.941 đồng.
- Tổng cộng: 99.345.114 đồng.

Do vậy, Công ty T2 khởi kiện bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng giải quyết vấn đề sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty T2, số tiền tính đến ngày 12/03/2026 là 99.345.114 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T2 tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 112112113708995.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không đến tham gia giải quyết nên không có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 102, 103, 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty T2 tạm tính đến ngày 12/3/2026 tổng dư nợ đối với hợp đồng tín dụng của bà L là 99.345.114 đồng, gồm: nợ gốc 32.686.409 đồng, lãi trong hạn: 17.800.764 đồng, lãi quá hạn chậm trả: 48.857.941 đồng. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh cho đến

khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty T2 (S - FINANCE) có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị L; địa chỉ tại khối phố A, phường Q, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, việc khởi kiện của Công ty T2 (S - FINANCE) thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 5 - Đà Nẵng là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên toà nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 112112113708995 ngày 11/12/2021 được ký kết giữa Công ty T2 (S) với bà Nguyễn Thị L, thấy rằng:

Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hoặc lừa dối, tại hợp đồng tín dụng có thể hiện rõ Công ty T2 cho bà Nguyễn Thị L vay vốn với tổng số tiền 42.400.000 đồng *(Bốn mươi hai triệu bốn trăm nghìn đồng)*, trong đó khoản vay tiêu dùng là 40.000.000 đồng, khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống là 2.400.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 4,17%/tháng; mục đích vay: mua sắm đồ dùng, thiết bị gia đình; thoả thuận trả nợ vay hằng tháng dự kiến 2.307.000 đồng; phương thức cho vay: cho vay từng lần, do vậy hợp đồng có hiệu lực. Ngày 11/12/2021, Công ty T2 đã giải ngân số tiền 39.995.600 đồng qua tài khoản của bà Nguyễn Thị L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị L đã thực hiện thanh toán gốc và lãi đến ngày 17/02/2023, sau đó đến nay thì chưa thanh toán thêm nợ gốc và lãi phát sinh. Kể từ khi phát sinh nợ quá hạn, Công ty T2 đã làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị L thanh toán nợ nhưng đến nay bà Nguyễn Thị L vẫn không trả là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do đó, việc Công ty T2 khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền nợ cho nguyên đơn là 99.345.114 đồng, bao gồm: nợ gốc 32.686.409 đồng, lãi trong hạn: 17.800.764 đồng, lãi quá hạn (tính đến ngày 12/3/2026): 48.857.941 đồng; bà L phải trả lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 13/3/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền là 4.967.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 385, 401, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 102, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* với bị đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho Công ty T2 theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 112112113708995 ngày 11/12/2021 tổng số tiền tính đến ngày 12/3/2026 là 99.345.114 đồng *(Chín mươi chín triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm mười bốn đồng),* bao gồm: nợ gốc 32.686.409 đồng, lãi trong hạn: 17.800.764 đồng, lãi quá hạn: 48.857.941 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 13/3/2026 cho đến khi bà Nguyễn Thị L trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.967.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại cho Công ty T2 số tiền tạm ứng án phí 2.122.000 đồng *(Hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004989 ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/3/2026). Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 5 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV5 - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Anh Đào